

VAI TRÒ CỦA TÔN GIÁO TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA

LƯƠNG THỊ THU HƯỜNG^(*)

1. Khái lược về toàn cầu hóa và toàn cầu hóa tôn giáo

1.1. Toàn cầu hóa

Toàn cầu hóa là khái niệm đã và đang gây nhiều tranh luận cũng như sự quan tâm của báo giới, chính giới và trở thành đề tài thảo luận cho giới học thuật trong nước và trên thế giới. Theo nghĩa thường dùng nhất, "Toàn cầu hóa được hiểu như cách thức diễn đạt ngắn gọn cái quá trình mở rộng phổ và các mối liên hệ của sản xuất, của giao tiếp và của công nghệ ra khắp thế giới. Quá trình mở rộng như vậy đã làm cho các hoạt động kinh tế và văn hóa đan bện vào nhau"⁽¹⁾.

Tuy nhiên, để có được một khái niệm hoàn chỉnh về toàn cầu hóa thật là không dễ dàng. Cùng với sự vận động của các sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan, con người ngày càng đi đến chính xác hóa các khái niệm phản ánh chúng.

** Những đặc điểm cơ bản của toàn cầu hóa*

Mặc dù còn bất đồng về quan điểm, nhưng những dấu hiệu cơ bản của toàn cầu hóa như dưới đây, đã được đa phần các học giả thừa nhận:

- *Công nghệ mới*: Cuộc cách mạng công nghệ hiện nay đang giúp con người rút ngắn thời gian và khoảng cách một cách đáng kể trên nhiều bình diện của đời sống xã hội. Và thành tựu đó đến lượt mình, đã tạo ra những chuyển biến về chất trong quan niệm về không - thời gian xã hội và không - thời gian nhân cách. Ý nghĩa của không gian vật lí trong xã hội (vốn vẫn được đo bằng khoảng cách địa lí giữa các chủ thể có ý thức) đã bị giảm một cách đáng kể. Cùng công nghệ mới, con người di chuyển trong không gian với tần xuất và tốc độ chưa từng có.

- *Sự tập trung thông tin cho phép thực hiện liên lạc trực tiếp*. Có thể gọi kỉ nguyên này là kỉ nguyên của sự chuyển giao thông tin hay "thời đại thông tin". Số lượng máy tính toàn cầu gia tăng theo cấp số nhân. Mạng thông tin viễn thông, Internet, các hãng truyền thông xuyên quốc gia... đang làm cho thông tin luân chuyển trên khắp bề mặt địa cầu và chi phí liên lạc giảm không ngừng.

- *Sự gia tăng xu thế chuẩn hóa các sản phẩm kinh tế và xã hội*: Nhu cầu về các

^{*}. NCS., Đại học Giao thông Vận tải.

1. Đỗ Quang Hưng, *Toàn cầu hóa tôn giáo*, Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo, số 2/2006, tr. 4.

chuẩn mực đánh giá chung, các tiêu chí phổ biến, các bộ phận có thể hoán đổi cho nhau và các biểu tượng giống nhau đang tăng lên trong điều kiện toàn cầu hóa. Những đồng tiền chung, các thủ tục chung, các trang thiết bị điện tử hoặc cơ khí dù được sản xuất ở đâu vẫn tương thích với nhau đang xuất hiện và trở nên phổ biến.

- Gia tăng hội nhập xuyên quốc gia:

Toàn cầu hóa đang mở rộng phổ giao tiếp giữa các nhà nước, các địa phương và các hoạt động xã hội trên khắp thế giới. Những biểu hiện này có thể thấy trong việc gia tăng các con số tổ chức đa phương, các hiệp ước khu vực. Các nhà nước, các địa phương, các tổ chức phi chính phủ, và người lao động ngày càng vượt qua những ranh giới của không gian sống truyền thống. Khoa học - công nghệ đang làm cho bản sắc văn hóa dân tộc của các cá thể di cư vẫn được bảo tồn mà không bị lệ thuộc vào không gian địa lí nơi họ đang sống. Điều này đang tạo ra một xã hội đa văn hóa, đa cực và mở rộng hơn, hay nói cách khác là: một "không gian văn hóa xuyên quốc gia" mà trong đó, ngôn ngữ, thói quen và truyền thống được bảo tồn, bất chấp khoảng cách địa lí.

- Tính dễ làm tổn thương lẫn nhau do sự phụ thuộc vào nhau tăng lên: Một cách tất yếu, sự hội nhập làm cho tính phụ thuộc lẫn nhau tăng lên. Trong điều kiện toàn cầu hóa, khả năng gây thương tổn lẫn nhau giữa các quốc gia, khu vực và châu lục là rất cao. Tính cố kết của các xã hội trong lòng nhà nước - dân tộc ngày càng trở nên yếu ớt và dễ lâm vào

khủng hoảng. Trong khoảng thời gian được tính bằng phút, những rối loạn của một ngân hàng lớn có thể gây ra sự sụp đổ tài chính khác ở tận cùng ngõ ngách trên thế giới... Du lịch thuận tiện, thông tin liên lạc tức thời, và sự lưu chuyển tiền mặt dễ dàng đang tạo điều kiện thuận lợi cho sự khẳng định sức mạnh của các cá nhân, các phần tử phi nhà nước⁽²⁾.

Tất cả các đặc trưng nói trên của toàn cầu hóa đang tác động mạnh đến mọi cộng đồng trên thế giới. Hơn nữa, toàn cầu hóa còn đang gây ra những xáo trộn cơ bản trong đời sống của cả cá nhân lẫn cộng đồng, từ thể chế kinh tế, thể chế chính trị, đến văn hóa, tôn giáo và đủ các loại ý thức hệ cùng tín điều...

1.2. Toàn cầu hóa tôn giáo

Đầu năm 2000, hội thảo của Hiệp hội các ngành khoa học xã hội về tôn giáo của Pháp tại Paris đã bàn về chủ đề toàn cầu hóa tôn giáo. Các nghiên cứu tập trung phân tích những biến đổi và hệ quả của quá trình toàn cầu hóa tôn giáo. Trong đó, các học giả đưa ra nhiều quan niệm khác nhau về toàn cầu hóa tôn giáo.

Chẳng hạn, có học giả cho rằng: "Toàn cầu hóa tôn giáo trước hết được hiểu là quá trình chuyển từ tính quốc tế, vốn được hiểu theo nghĩa liên nhà nước sang tính xuyên quốc gia: các chiến lược bành trướng tôn giáo không còn hoặc ít liên quan đến các quyền bá chủ về chính trị

2. Phạm Thái Việt, *Toàn cầu hóa: Những xu hướng biến đổi lớn trong đời sống chính trị quốc tế và văn hóa*, Viện thông tin khoa học xã hội, 2006, tr. 32 – 35.

và thường phụ thuộc vào phạm vi của các logic mới, mà những logic này không còn phụ thuộc vào mối quan hệ giữa các nhà nước nữa.

Nếu việc xuất khẩu các tôn giáo diễn ra trong các thế kỉ trước gắn bó chặt chẽ với lịch sử các cuộc bành trướng thực dân thì các luồng tôn giáo hiện nay không còn chỉ đáp ứng logic đó nữa. Hiện nay, xu thế toàn cầu hóa tôn giáo đang thoát khỏi tầm kiểm soát của các nhà nước và vượt lên trên các đường biên giới. Ngoài ra, các luồng tôn giáo này không còn giới hạn ở sự lưu truyền Bắc - Nam mà đã trở nên đa chiều...⁽³⁾. Tôn giáo đang khai phóng sức mạnh của chúng cùng với các kênh lan tỏa của toàn cầu hóa. Quá trình “nhập khẩu” các hiện tượng tôn giáo không chỉ tăng nhanh về cả số lượng mà cả về thể loại (tính đa dạng). Hệ quả là, nếu một tôn giáo nào đó không biết giữ bản sắc và không kịp thích nghi thì tôn giáo ấy sẽ bị toàn cầu hóa đẩy sang “bên lề” cuộc sống.

Hiện nay, các sản phẩm và dịch vụ tôn giáo đang có xu hướng trở thành hàng hóa và giống như mọi thứ hàng hóa khác. Do đó, chúng mang tính xuyên biên giới ngày càng rõ nét. Đây cũng là điều kiện để các phong trào tôn giáo tràn qua các biên giới. Cộng hưởng với làn sóng di dân như hiện nay, tôn giáo đang có cơ hội *toàn cầu hóa chính bản thân mình*. Đời sống tôn giáo toàn cầu giờ đây mang một sắc diện mới. Việc “xuất khẩu” các tôn giáo ra khỏi những vùng “lãnh thổ gốc”, cũng đang diễn ra với những dòng chảy mới, đa chiều và mạnh mẽ chưa từng có.

Toàn cầu hóa tôn giáo là một hiện thực; và hiện thực ấy đã và đang tạo cơ hội cho các tôn giáo mở rộng ảnh hưởng của chúng để trở thành những hiện tượng mang tính toàn cầu.

2. Sự gia tăng vai trò của tôn giáo trong điều kiện toàn cầu

2.1. Tôn giáo gia tăng các hình thức bù đắp cho hiện thực

Tôn giáo từ khi ra đời, vận động theo suốt chiều dài của lịch sử đã không ngừng tác động lên cả hai mặt của đời sống con người: cộng đồng và cá thể. Trên cả hai bình diện đó, tôn giáo đều phát huy chức năng bù đắp của mình. Giờ đây, trong bối cảnh toàn cầu hóa, chức năng bù đắp đó không những không suy giảm mà còn gia tăng hình thức và khuynh hướng mới.

Tôn giáo thực hiện chức năng bù đắp sự lệ thuộc, sự hạn chế, sự bất lực của con người trên phương diện cải biến những điều kiện sinh tồn khách quan hay việc xây dựng lại ý thức cá thể và cộng đồng. Ở góc độ này, tôn giáo đã làm tròn sứ mệnh của nó: bù đắp cái duy lí bằng cái phi duy lí, bù đắp cái tầm thường bằng cái siêu việt. Từ đó, tôn giáo đã làm cho hiện thực trở nên hài hòa và hoàn mĩ trong con mắt chủ thể.

Trong bối cảnh thế giới dần trở nên “nóng, phẳng, chặt” như cách mà Thomas L. Friedman đã ví và khoa học vật lí thì ngạo nghễ tuyên bố: “Chúa không phải là Đấng tạo hóa, không phải là một Thợ đồng hồ hoàn hảo, cũng không phải là một Kiến trúc sư Vĩ đại. Chúa chẳng

3. Đỗ Quang Hưng, *Toàn cầu hóa tôn giáo*, Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo, số 2, 2006, tr. 4.

tạo ra gì hết, vì Chúa chính là Tự nhiên!⁽⁴⁾, thì nhân loại đã và đang phải trải qua những biến động sâu sắc mang tính toàn cầu: khủng hoảng kinh tế, chính trị, môi trường, sinh thái, an ninh... Tất cả sự cộng hưởng này đưa lại bức tranh ảm đạm về cục diện chung của thế giới.

Các cá thể sống trong cộng đồng ấy quần quai, rên xiết vì thống khổ, mất mát; khắc khoải, lo âu, hi vọng vì phải chờ đợi tương lai - cái mà hiện thực họ chưa được hay muốn được trải nghiệm. Và tôn giáo đã xuất hiện như một phương án.

Như vậy, để tồn tại, các cá thể không chỉ lao động mà còn phải chứng cất niềm tin. Bởi niềm tin là một mĩ từ quá xa xỉ trong cơn đại khủng hoảng này. Và tôn giáo đã trở lại mạnh mẽ hơn bao giờ hết để thực hiện chức năng bù đắp cho hiện thực, để đời sống của các cá thể và cộng đồng trở nên hài hòa và hoàn thiện hơn.

Tuy nhiên, điều không thể không nhấn mạnh đó là: tôn giáo là sự chứng nghiệm cá thể, là cái kinh nghiệm vượt ra khỏi phạm vi kiểm soát của Lí tính, là cái phi Lí tính, siêu Lí tính. Lí tính không thể nghiệm chứng được bản thân nó, năng lực chủ yếu của Lí tính là hướng đến cái bên ngoài, giải thích và chứng minh sự tồn tại của hiện tượng nào đó bằng các tài liệu thực chứng. Thế nên cũng còn xa khoa học mới hiểu được nguồn gốc của ý thức - tại sao chúng ta yêu, hận thù hay sáng tạo⁽⁵⁾.

Bởi vậy, không phải Lí tính nắm bắt tôn giáo mà trái lại, càng phát triển Lí tính càng phát hiện ra các giới hạn của

mình. Lí tính đòi hỏi các kết quả thực chứng đã phải đương đầu với những bất định, với sự không xác định, với tính không thể tiên định, với hỗn độn, bất toàn và không thể quyết định được. Lí tính biết rằng, "từ nay nó không thể biết hết mọi chuyện. Để đi đến cuối con đường và tiếp cận thực tại tối hậu, chúng ta phải cầu viện đến các phương thức nhận thức khác nhau như trực giác thần bí hay tâm linh"⁽⁶⁾.

Theo Mel Thomson, tôn giáo là sự cân bằng giữa cái hợp lí và cái phi lí. Không có cái hợp lí thì hoàn toàn không thể không thông báo tín ngưỡng của mình cho người khác. Không có cái phi lí thì hoàn toàn không thể truyền đạt một cách có hiệu quả sức mạnh của tôn giáo⁽⁷⁾.

Trước kia, các xã hội muốn có một vị giám sát vô hình và muốn cho những bản năng xã hội được lòng hi vọng và sự sợ hãi yểm trợ trong sự tranh đua với các xu hướng cá nhân, các xã hội bèn lợi dụng tôn giáo. Và như thế, tôn giáo ngay từ khởi thủy, xuất hiện không chỉ do nỗi sợ hãi thường hằng của con người, mà bản thân nó đã có chức năng khuyến thiện và trừng trị cái ác (Will Durant).

Vì vậy, mặc dù còn nhiều kiến giải khác nhau về chức năng bù đắp của tôn giáo, song không thể phủ nhận được tôn giáo luôn là phần đền bù cho hiện thực;

4. Trịnh Xuân Thuận, *Từ điển yêu thích bầu trời và các vì sao*, Nxb. Tri thức, 2011, tr. 110.

5. Trịnh Xuân Thuận, *Từ điển yêu thích bầu trời và các vì sao*, Nxb. Tri thức, 2011, tr. 115.

6. Trịnh Xuân Thuận, *Từ điển yêu thích bầu trời và các vì sao*, Nxb. Tri thức, 2011, tr. 16.

7. Xem: Mel Thomson, *Triết học tôn giáo*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2004.

tôn giáo tham gia vào quá trình tạo ra sự cân bằng cho cá thể và cộng đồng trên phương diện tinh thần. Bằng việc đưa lại niềm tin, sự an ủi, sự cứu rỗi, và bằng việc chỉ ra ý nghĩa của sự tồn tại Người trong một thế giới mà sự bất ổn, bất an, bất định luôn đe dọa thì giải pháp tôn giáo tỏ ra hữu hiệu hơn cả. Và ở một chừng mực nhất định, tôn giáo cũng giảm thiểu những tha hóa vật chất thông qua các hoạt động từ thiện nhằm kêu gọi sự phân phối lại sản phẩm xã hội một cách nhân văn, nhân ái hơn.

Tôn giáo là thành tố cấu thành nên văn minh nhân loại. Trong thế giới *phẳng* thật khó mà tìm thấy cuộc sống của cá thể hay cộng đồng nào mà không có dấu ấn của tôn giáo. Toàn bộ nền văn minh rực rỡ của Phương Tây chủ yếu được hình thành dựa trên ảnh hưởng của truyền thống Do Thái giáo và Kitô giáo. Will Durant nhận định: “Chức vụ của tôn giáo là duy trì những giá trị đã được thừa nhận, hơn là tạo ra những giá trị mới”⁽⁸⁾.

Văn minh Ả Rập, Trung Đông mang đậm *chất Islam* giáo. Ấn Độ giáo bao trùm cuộc sống của toàn bộ Bán đảo Ấn Độ. Về tới Phương Đông, xây dựng hình mẫu cá nhân và cộng đồng trên các tiêu chí của Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo. Và vô số tôn giáo của các bộ lạc, truyền thuyết của các dân tộc, tôn giáo của các thầy mo, các tín ngưỡng đa thần... tất cả đều đã và đang tác động và làm phong phú đời sống tinh thần của nhân loại. Sự trải nghiệm tôn giáo giúp cho cá nhân thấy được vô thường của sắc, không; từ đó họ thấy thanh thản vô cùng và đủ sức

chịu đựng sự va đập của cuộc sống. Trong họ có một con đường mới do sự lựa chọn tự nguyện và vui vẻ theo đến cùng. Nói cách khác, thế giới nội tâm của các cá thể đã được trải nghiệm tôn giáo khai mở, vì thế nó cứ tự nhiên khai hoa nở nhụy. Và trải qua những chứng nghiệm cá nhân sâu sắc mới thấy, chân lí luôn luôn ẩn tàng khắp nơi, tôn giáo chỉ là những con đường khác nhau đưa đến chân lí (Blair Thomas Spalding). Tôn giáo là một trong những cứu cánh của tư tưởng giải thoát. Giải thoát các cá thể và các cộng đồng khỏi tư tưởng phiền não, lo âu, sợ hãi... Nếu đã thấm nhuần chân lí, con người là một linh hồn bất diệt, thân xác chỉ là phương tiện mà con người tầm gửi, vay mượn, tạm thời, *sống gửi, thác về* thì lúc đó tôn giáo giúp cho các tín đồ tránh được các tội ác, đau khổ vì hầu hết con người thường mê chấp mình là xác thân nên lo lắng, chiều chuộng nó đủ điều, tìm mọi cách để nó được sung sướng, kể cả phải chém giết lẫn nhau, lừa bịp nhau, hãm hại nhau, dùng những thủ đoạn đê hèn nhất để thỏa mãn dục vọng u mê ấy.

Tác giả Ram Gopal trong *Hành trình về Phương Đông* cho biết, phương pháp tu thân sẽ giúp con người vượt qua các trở ngại để tiến vào cửa đạo. Người hiểu biết đường đạo, ý thức linh hồn là ta, là người làm chủ, xác thân chỉ là con ngựa để ta cưỡi đi trên đường. Người chưa hiểu biết, nhận mình là con ngựa và cố gắng thỏa mãn các nhu cầu của họ. Họ không ý thức mình là tay kị mã kiêu hùng bất

8. Xem: Will Durant, *Nguồn gốc văn minh*, Nxb. Văn hóa thông tin, 2006.

diệt mà cam chịu thân phận con vật yếu hèn, chịu sự chi phối của không gian - thời gian⁽⁹⁾.

Vì thế, sau thời gian phiêu bạt, ta đã nếm đủ mùi cay đắng khổ đau, ngụp lặn đón đau trong vòng bể khổ trầm luân của sinh tử, triền phược, phiền não lậu hoặc của dục ái, của hữu ái, của vô minh; đứa con đi hoang ấy Giác Ngộ trở về. Từ bỏ Vô minh, ta chấm dứt tất cả, “một lần nữa ta trở về ngôi yên trong nhà ta, ở đó bốn lai là tự do và yên tịnh”⁽¹⁰⁾. Từ đây, ta không còn như trước nữa, ta trở về với chính ta, xóa bỏ hết vết tích của thời gian bằng ý chí kiên định của ta, ta đập tan xiềng xích Vô minh, mê lầm, vọng tưởng, chấp trước để chứng nghiệm Niết Bàn, để huệ giác chiếu diệu bước đi của ta trong vô lượng kiếp.

Triết lí tôn giáo ấy cũng chỉ ra cho các tín đồ phải cởi bỏ thành kiến, mở rộng lòng thương đến muôn loài. Người tu là người sống thuận hòa với mình và mọi người, sống an lạc với vạn vật trong vũ trụ, sống hòa hợp với thiên nhiên một cách ung dung tự tại. Đó là con đường tu đúng đắn nhất.

Chính vì thế, không hàm hồ khi nói rằng sự huyền bí, thậm thâm, vi diệu của Phương Đông là sự hóa thân của Phật giáo. Bởi vì chính trong nền tư tưởng Phật giáo mà các nước Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản mới hợp thành một khối, giờ đây nó đang hồi sinh, trỗi dậy và khai phóng.

Trong khi đó, một Phương Tây hùng mạnh được đảm bảo bởi Kitô giáo và nền đạo đức Tin Lành đã xây dựng nên tinh thần của chủ nghĩa tư bản (Max Weber).

Một Ả Rập, Trung Đông rực rỡ, đa dạng được *quy phục, toàn tâm toàn ý với Thượng đế Allah trong một tôn giáo duy nhất và thống nhất – tôn giáo Islam*. Có thể thấy, tôn giáo không chỉ là cứu cánh, mà còn là bệ phóng cho đời sống của các cá thể và cộng đồng; là chiếc *bè pháp* duy nhất để những đứa con lầm lạc trở về, sang bên kia bờ Giác Ngộ bỏ lại mê lầm, tham lam, chấp trước, độc ác, thủ đoạn... để sống Người hơn, để cho tất cả được như nó là (Thiền luận).

2.2. Sự chấn hưng trở lại của các tôn giáo có khuynh hướng xuyên quốc gia

Truyền thống triết học biện chứng (từ triết học cổ điển Đức đến các biến thể mới của triết học Macxit - Neomarxism) cũng tìm thấy bản chất của *chức năng bù đắp* của tôn giáo là *khát vọng khắc phục tha hóa trên phương diện ý niệm*.

Nhà triết học lịch sử người Anh Arnold Toynbee cho rằng, khi một dân tộc nào đó đánh mất tín ngưỡng tôn giáo của mình thì văn minh của họ tất sẽ suy thoái, cuối cùng bị một nền văn minh khác thay thế. Nhưng ở đây, tình huống dường như diễn ra theo chiều ngược lại - nền văn minh Phương Tây được khoanh vùng theo lãnh thổ quốc gia, đang bị phá vỡ - và tôn giáo, mà cụ thể là Kitô giáo đang phải trỗi dậy cứu vãn hậu quả của sự phân rã này.

Nhưng Kitô giáo đã không làm cái việc hàn gắn lại cộng đồng. Trái lại, nó bù đắp bằng cách tạo ra một sự cân bằng

9. Xem: Blair T. Spalding, *Hành trình về Phương Đông*, Nxb. Hồng Đức, 2011.

10. Daisetz Teitaro Suzuki, *Thiền luận*, *Quyển Thượng*, Nxb. Tổng hợp TP HCM, 2011, tr. 176.

mới cho các cá thể đang mất phương hướng và lạc lõng trong dòng văn hóa không ngừng thay mới bởi sự tiến bộ nhanh chóng của công nghệ thông tin và thị hiếu tiêu dùng.

Cú sốc văn hóa nổ ra do sự thích nghi không kịp của nền văn hóa truyền thống, được cá thể hấp thụ, với những luồng văn hóa đổi mới không ngừng đang đi lại tự do xuyên qua các xã hội không có rào cản. Và phản ứng tâm lý của cá thể trong những cộng đồng mở như vậy là hết sức khác nhau; hoặc chống lại quyết liệt dưới hình thái chủ nghĩa dân tộc cực đoan; hoặc rơi vào chủ nghĩa bi quan, lãnh đạm; hoặc vứt bỏ văn hóa truyền thống để chạy theo văn hóa tiêu dùng và chủ nghĩa thực dụng, hoặc tìm kiếm những động lực tinh thần mới lạ. *Xu hướng chia nhỏ ảnh hưởng của Kitô giáo đến từng cá thể trong xã hội Phương Tây, chính là nhằm tạo ra sự cân bằng cho tình trạng đổ vỡ tâm lý đó.*

Kitô giáo đang chuyển dịch từ cấp độ chi phối cộng đồng sang điều chỉnh cá thể để trở thành sự sùng đạo mang tính riêng tư, sự quan tâm đến bản thân và đến người khác, mang sắc thái đạo đức; và do đó, đang trở thành một thứ tôn giáo tự do, không đòi hỏi tín ngưỡng, nghi lễ. Nó tồn tại dưới dạng đức tin nằm trong tầng sâu tâm thức của mỗi cá thể và có tác dụng xác định ý nghĩa cuộc sống trong mê cung của các quan hệ hiện thực bị tha hóa.

Quá trình chuyển dịch như vậy được nhiều học giả quan niệm như sự thế tục hóa của Kitô giáo, dẫu rằng luận điểm đó cũng gặp phải khá nhiều sự phản đối của

giới nghiên cứu tôn giáo. Những người phản đối cho rằng, thuật ngữ đó không phản ánh đúng thực trạng của Kitô giáo, vì thế tục hóa (secularization), theo thông lệ, vẫn được hiểu như sự suy đồi của tôn giáo, một sự lí hóa tôn giáo. Theo họ, quá trình tiệm tiến từ chủ nghĩa thần quyền sang chủ nghĩa khắc kỉ của Kitô giáo, thực ra là một bước phát triển tất yếu của nó, nhằm thực thi sứ mệnh giải phóng con người ra khỏi những ràng buộc tinh thần; tạo điều kiện cho các cá nhân có cơ hội lựa chọn thế giới quan và tính tự chủ để tạo ra triết lí sống riêng của họ.

Hiện nay, các ý kiến đánh giá về thế tục hóa có thể là khác nhau, song không một ai phủ nhận xu hướng chuyển dịch như vậy là một nét nổi bật trong đời sống tôn giáo Tây Âu. Trong một bối cảnh như thế, có thể hiểu vì sao Phật giáo lại trở nên quyến rũ đối với một Phương Tây hậu công nghiệp. Những gì Phật giáo đã có lại là những gì Kitô giáo đang đi đến, hoặc giả hứa hẹn sẽ đi đến: sự đặt niềm tin ở chính bản thân; một sự nhập thế hoàn toàn mà vẫn không mất đi mùi vị tâm linh; một thứ logic vừa lí trí vừa thánh thần; một tôn giáo phi tôn giáo.

Trong khi đó ở khu vực ngoại vi (các nước đang hoặc chậm phát triển), một bức tranh tôn giáo khác đang tồn tại. Nét mới dễ nhận thấy của nó là sự chấn hưng trở lại của các tôn giáo lớn để trở thành những thế lực chính trị - xã hội tham gia điều tiết cộng đồng, bằng cách: hoặc thâm nhập hoàn toàn vào quyền lực nhà nước (các quốc gia Islam); hoặc chia sẻ

quyền lực chính trị với nhà nước (các quốc gia có quốc giáo); hoặc giữ vai trò liên kết các cộng đồng sắc tộc để tạo ra khuynh hướng tự quyết chính trị hay li khai... và cũng có thể là một động lực tuyệt hảo giúp duy trì sự đoàn kết giữa các sắc tộc trong một quốc gia. Tóm lại, các tôn giáo đang trỗi dậy như những nguồn quyền lực cạnh tranh với nhà nước, và có khuynh hướng xuyên quốc gia.

Rõ ràng là phản ứng - mang tính bù đắp của tôn giáo đối với quá trình về xói mòn quốc gia - dân tộc, ở khu vực ngoại vi, về cơ bản là ngược với tiến trình thế tục hóa ở khu vực trung tâm. Tôn giáo tại khu vực này đã trực tiếp tham gia vào công việc văn hóa cộng đồng truyền thống trước các làn sóng xâm thực của các nền văn hóa bên ngoài. Các quốc gia - dân tộc chậm phát triển đang đứng trước cái hiểm họa bị tan biến trong một nền văn minh toàn cầu - mà về thực chất là nền văn minh Phương Tây. Những bản sắc và truyền thống vốn là nền tảng dùng để khu biệt quốc gia này với quốc gia khác đang bị xâm hại bởi các áp lực của chủ nghĩa tự do kinh tế.

Đối với Phương Tây, sự tự tiêu vong của quốc gia - dân tộc là một tất yếu - và là bản chất văn hóa của nó. Cũng theo logic đó thì sự tự tiêu vong chẳng qua chỉ là bước phát triển tiếp theo của quá trình giải phóng cá thể và giải phóng quyền lực của tư bản. Kết quả của sự giải phóng như vậy sẽ đem lại cho Phương Tây sự thỏa mãn về vật chất và tinh thần. Nhưng đối với các quốc gia chậm phát triển thì lại khác. Mở cửa, hội nhập đã được giả định như lối mòn có sẵn mà

họ không thể tránh được. Sự tăng trưởng kinh tế là cái mà toàn cầu hóa hứa hẹn, và do đó, là sự tăng lên của phúc lợi xã hội. Những tổn hại do toàn cầu hóa đem lại cũng phũ phàng không kém.

Vì là những nước ở vị thế yếu và bị phụ thuộc vào các nền kinh tế trung tâm, nên đối với họ, sự phân chia của cải xã hội ở cấp độ toàn cầu, rõ ràng là bất bình đẳng. Để trả giá cho từng phần trăm tăng trưởng kinh tế, các nước ngoại vi phải hứng chịu những thay đổi trong lòng xã hội công dân như: cấu trúc dân số bị phá vỡ, sự tập trung dân cư tại các đô thị, sự di chuyển nhân lực không thể kiểm soát được, sự phá vỡ quan hệ gia đình, cộng đồng, sự tàn phá môi trường thiên nhiên nhằm cung cấp tài nguyên cho khu vực trung tâm, sự nhập khẩu chất thải... và đáng sợ hơn cả là sự đánh mất các giá trị văn hóa truyền thống để thay vào đó là thứ văn hóa tiêu dùng và triết lý thực dụng. Trong tình huống đó, tôn giáo đã trỗi dậy như động lực phản kháng lại các định mệnh mà thị trường thế giới áp đặt cho các quốc gia chậm phát triển.

Sự phục hưng Islam giáo bắt đầu vào những năm 60 của thế kỉ XIX và nở rộ vào những năm 70 của thế kỉ XX, với sự ra đời của nhà nước Islam giáo Iran - thành quả của cuộc cách mạng Islam giáo. Trên thực tế, cuộc cách mạng này có ảnh hưởng rộng khắp tới tất cả các quốc gia có số dân cư theo Islam giáo chiếm tỉ lệ cao như: Kuwait, Saudi Arabia, Iraq, Egypt, Malaysia, Pakistan...

Hiện nay, ở Ấn Độ cũng nổi lên phong trào chấn hưng Ấn Độ giáo (Hinduism)

do *Đoàn phục vụ Tình nguyện Quốc dân* - một tổ chức thuộc Ấn Độ giáo được thành lập vào năm 1925 - phát động. Tổ chức này kêu gọi phát huy văn hóa Ấn Độ giáo nhằm chống lại mọi ý đồ xâm lược của các nền văn hóa khác. Nó cũng cho rằng, đường lối bất bạo động mà Ấn Độ chủ trương là không thích hợp với hoàn cảnh đương thời. Trên con đường tìm lại cộng đồng đã bị đánh mất, *Đoàn phục vụ tình nguyện Quốc dân* gạt bỏ những tôn giáo trực tiếp đối đầu với nó như Islam giáo, Kitô giáo...

Với Phật giáo, quá trình bù đắp diễn ra trong không khí khá hòa bình, điều đó có lẽ xuất phát từ quan niệm tự giác (Tiểu thừa) và giác tha (Đại thừa) của nó. Mặc dù ít màu sắc cực đoan, nhưng sức mạnh bảo tồn cấu trúc cộng đồng của Phật giáo cũng không thua kém gì so với những tôn giáo lớn khác ở Nam Á. Phật giáo đã giữ vai trò đoàn kết dân tộc ở Thái Lan, Myanmar, Campuchia, Lào... Tầng già và tầng lữ chiếm vị trí quan trọng trong đời sống xã hội, trong việc bảo tồn và duy trì những truyền thống bản sắc dân tộc ở những nước này. Trên thực tế, tư tưởng bài ngoại ở các nước chịu ảnh hưởng Phật giáo là không mạnh; sự xâm nhập của các luồng văn hóa khác nhau vẫn được chấp nhận, khiến cho sự bù đắp của Phật giáo nghiêng về khía cạnh bảo tồn các quan

hệ, và ý thức cộng đồng truyền thống nhiều hơn là phản ứng hướng ngoại.

Nhìn chung, sự tương phản của hai khuynh hướng phát triển tôn giáo hiện nay là tương đồng với tương phản về kinh tế trong thời đại toàn cầu hóa giữa các khu vực trung tâm và ngoại vi, giữa Bắc và Nam. Tuy nhiên, bên cạnh đó, cũng tồn tại một số nét chung như sự xuất hiện ở đây nhiều loại hình tôn giáo mới ở cả hai khu vực. Các nhà tương lai học như Toffler, Bell, Eliade... đã phỏng đoán rằng đó là dấu hiệu của cuộc tìm kiếm những chuẩn thức văn hóa mới, phù hợp với bước chuyển của nhân loại vào kỷ nguyên hậu công nghiệp.

Những nét mới như vậy của hiện thực tôn giáo đương đại đã dẫn đến làn sóng đánh giá lại bản chất, chức năng và vị trí của tôn giáo trong đời sống hiện đại. Từ đó nảy sinh phương thức tiếp cận mới về tôn giáo.

Trong hoàn cảnh lịch sử mới, các nền văn minh đang xích lại gần nhau hơn. Sự gặp gỡ này có thể gây nên những tổn thương, hay cũng có thể tạo ra sự dung hòa hoặc sự thâm nhập lẫn nhau. Bởi vậy, với tư cách là một bộ phận quan trọng cấu thành các nền văn minh, thể trạng của tôn giáo hiện nay rất đa dạng và tiềm ẩn nhiều khuynh hướng trái ngược nhau./.